

**CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**  
\*\*\*\*\*



**BÀI VIẾT**

**“PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG PHÂN BÓN,  
THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2024”**

(Thuộc nhiệm vụ “Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước” năm 2024)

# PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG PHÂN BÓN (Tháng 10 và 10 tháng năm 2024)

(Thuộc nhiệm vụ “Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước” năm 2024)

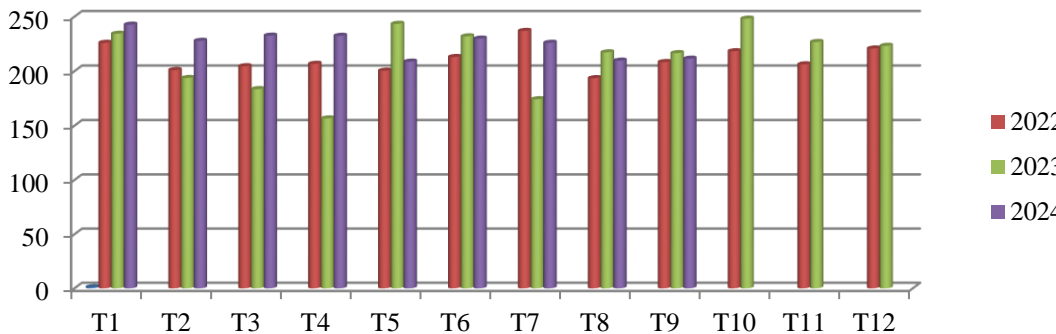
## I. NGUỒN CUNG

### 1. Tình hình sản xuất

Sản xuất phân bón trong nước vẫn duy trì đà tăng trưởng, cụ thể sản lượng sản xuất Urea trong tháng 9/2024 đạt 211,4 nghìn tấn, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2024 sản lượng phân Urea sản xuất đạt 2.025,5 nghìn tấn, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2023.

**Biểu đồ 1: Sản lượng phân Urea sản xuất từ năm 2020 đến tháng 9/2024**

ĐVT: tấn

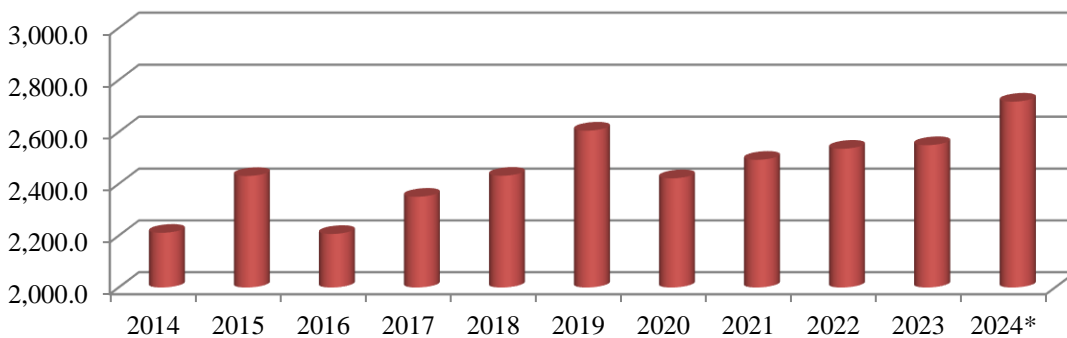


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Sản lượng phân Urea năm 2023 của Việt Nam đạt 2.549,7 nghìn tấn, tăng nhẹ so với năm 2022. Dự báo, sản lượng phân Urea năm 2024 ước đạt 2.717 nghìn tấn tăng 6,6% so với năm 2023.

**Biểu đồ 2: Sản lượng phân Urea sản xuất qua các năm từ 2014 đến 2024**

ĐVT: tấn

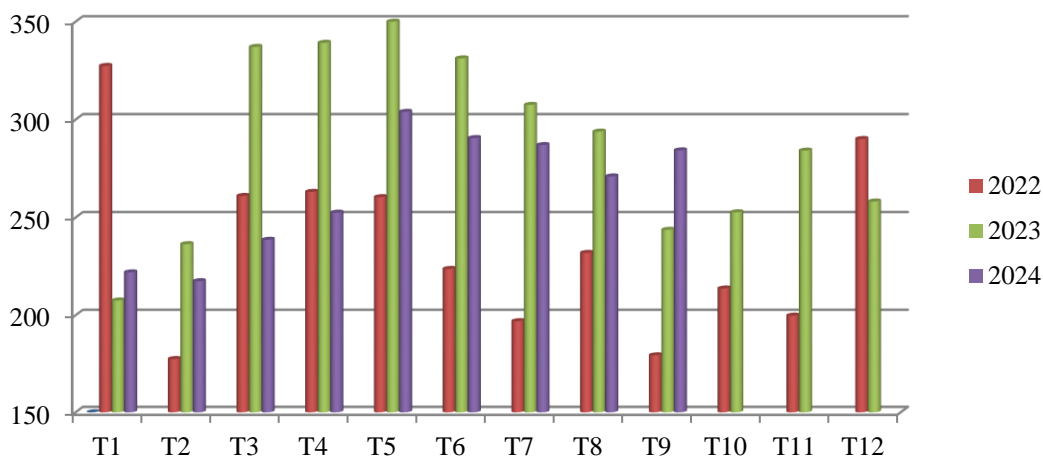


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Sản lượng phân NPK sản xuất trong tháng 9/2024 đạt 284,3 nghìn tấn, tăng 24,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2024 sản lượng phân NPK sản xuất đạt 2.376,5 nghìn tấn, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2023.

**Biểu đồ 3: Sản lượng phân NPK sản xuất từ năm 2020 đến tháng 9/2024**

ĐVT: tấn

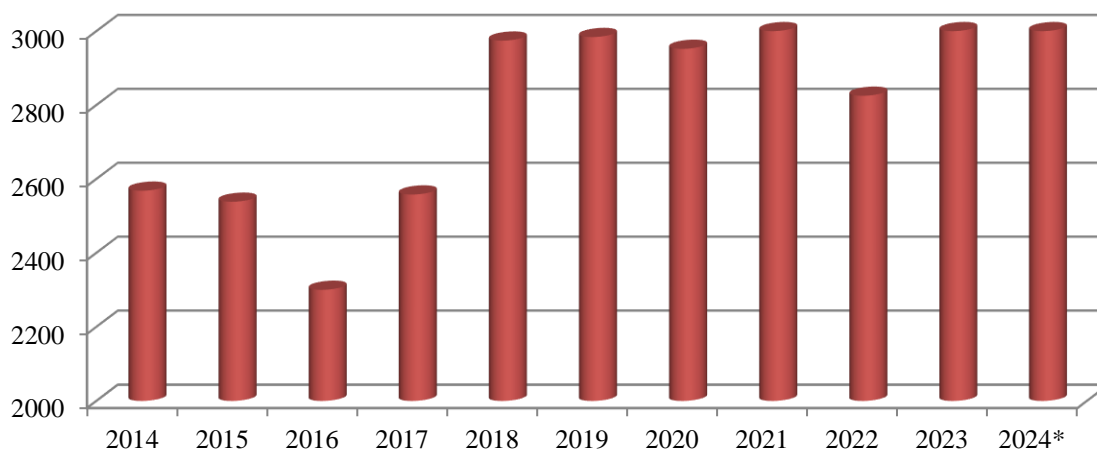


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Sản lượng phân NPK năm 2023 của Việt Nam đạt 3.443,9 nghìn tấn, tăng 21,9% so với năm 2022. Dự báo, sản lượng phân NPK năm 2024 ước đạt 3.128, nghìn tấn giảm 9,2% so với năm 2023.

**Biểu đồ 4: Sản lượng phân NPK sản xuất qua các năm từ 2014 đến 2024**

ĐVT: tấn



Nguồn: Tổng cục Thống kê

## 2. Tình hình nhập khẩu

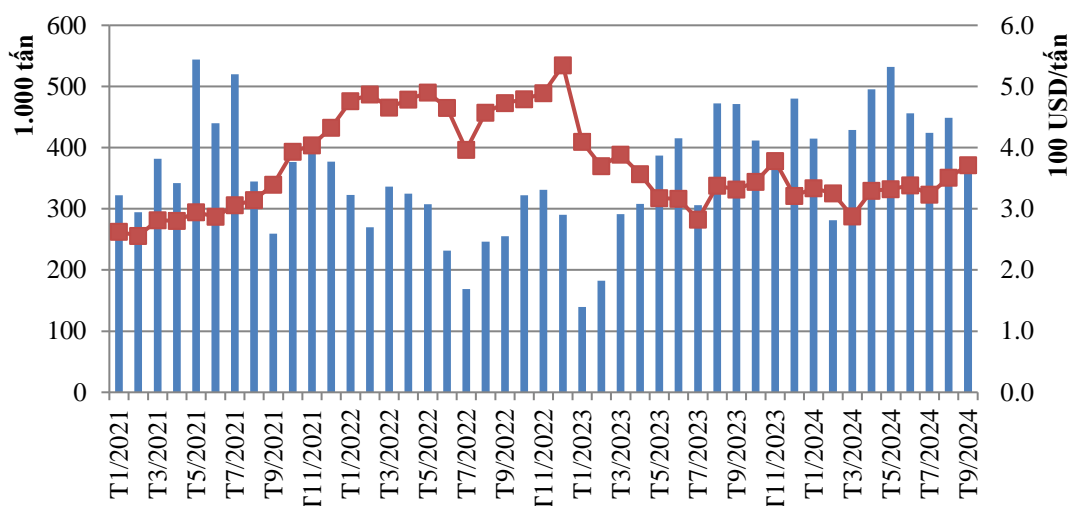
Nửa đầu tháng 10/2024, nhập khẩu phân bón các loại đạt 255,2 nghìn tấn, kim ngạch đạt 76,7 triệu USD; Lũy kế từ đầu năm đến 15/10/2024 nhập khẩu phân bón các loại đạt 4.093,1 nghìn tấn, kim ngạch đạt 1.351,2 triệu USD, tăng 31% về lượng và tăng 27,7% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

Trước đó, tháng 9/2024 nhập khẩu phân bón các loại đạt 378,2 nghìn tấn, kim ngạch đạt 140,3 triệu USD, giảm 15,8% về lượng, giảm 10,9% về kim ngạch so với tháng trước, nhưng so với cùng kỳ năm ngoái giảm 4,6% về lượng, giảm 0,8% kim ngạch. Tính chung 9 tháng năm 2024 nhập khẩu phân bón các loại đạt 3.845,3 nghìn tấn, kim ngạch đạt 1.277,5 triệu USD, tăng 32,3% về lượng và tăng 29,7% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

Giá phân bón nhập khẩu trong tháng 9/2024 ở mức 371 USD/tấn, tăng 5,8% về giá so với tháng 8/2024 và tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2023. 9 tháng năm 2024 giá nhập khẩu trung bình đạt 332,2 USD/tấn, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong đó, giá Urea giảm 7,2% so với cùng kỳ năm ngoái, xuống còn 346,4 USD/tấn; giá Kali giảm 18,4%, xuống còn 314,7 USD/tấn; giá SA giảm 7,3%, xuống còn 150,9 USD/tấn; giá NPK giảm 9,6%, xuống còn 505,9 USD/tấn. Riêng giá DAP tăng 5,3%, lên mức 582,1 USD/tấn.

**Biểu đồ 5: Lượng và giá phân bón nhập khẩu trung bình trong năm 2019-T9/2024**



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

### - Thị trường phân bón nhập khẩu

Trong 9 tháng năm 2024, Trung Quốc vẫn đứng đầu về thị trường cung cấp phân bón cho Việt Nam, chiếm 42% trong tổng lượng và chiếm 40,7% trong tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của cả nước, đạt gần 1,62 triệu tấn, kim ngạch đạt 519,4 triệu USD, giá trung bình 321,2 USD/tấn, tăng 13% về lượng, tăng 16,5% kim ngạch và tăng 3% về giá so với cùng kỳ năm 2023.

Tiếp đến thị trường Nga, chiếm 11,6% trong tổng lượng và chiếm 15% trong tổng kim ngạch, với 447,1 nghìn tấn, kim ngạch đạt 191,9 triệu USD, giá trung bình 429,2 USD/tấn, tăng 130,2% về lượng, tăng 109% về kim ngạch nhưng giảm 9,1% về giá so với cùng kỳ năm 2023.

Thứ ba là nhập khẩu phân bón từ thị trường Lào đạt 263,6 nghìn tấn, kim ngạch đạt 68,3 triệu USD, tăng 18,4% về lượng, nhưng giảm 9,8% kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023, chiếm trên 6,9% trong tổng lượng và chiếm 5,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của cả nước.

Ngoài ra, nhập khẩu phân bón từ một số thị trường có mức tăng trưởng mạnh như Hàn Quốc, Canada, Indonesia, Israel, Bỉ, Na Uy, Malaysia, Đài Loan, Đức, Ấn Độ với mức tăng lần lượt đạt 16%, 65,5%, 28,5%, 118,9%, 51,7%, 93,3%, 37,1%, 83%, 75,7%.

Trong xu hướng ngược lại, nhập khẩu từ một số thị trường có mức giảm khá mạnh như Philippines, Thái Lan với mức giảm lần lượt 34,4%, 7,5%.

Nhìn chung, trong 9 tháng năm 2024 nhập khẩu phân bón từ đa số các thị trường tăng so với cùng kỳ năm 2023.

**Bảng 1: Thị trường nhập khẩu phân bón tháng 9 và 9 tháng năm 2024**

Thị trường	T9/2024		So với T8/2024		9T/2024		So với 9T/2023 (%)	
	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)
<b>Tổng</b>	<b>378.158</b>	<b>140.349</b>	<b>-15,8</b>	<b>-10,9</b>	<b>3.845.306</b>	<b>1.277.548</b>	<b>32,3</b>	<b>29,7</b>
Trung Quốc	189.193	80.226	4,4	10,4	1.617.079	519.385	13,2	16,5
Nga	9.981	3.178	-85,8	-85,8	447.138	191.923	130,2	109,1
Lào	23.035	6.144	-19,5	-13,9	263.596	68.272	18,4	-9,8
Hàn Quốc	9.556	2.217	-52,5	-61,3	145.728	55.174	49,4	16,0
Canada	6.438	1.832	-76,6	-78,2	138.741	44.124	92,7	65,5
Indonesia	11.577	3.203	144,9	85,1	110.316	36.941	38,7	28,5
Israel	573	648	69,0	21,1	80.195	30.840	174,7	118,9
Bỉ	12.221	4.647	41,6	27,6	81.208	30.217	53,8	51,7
Na Uy	8.943	4.859	52,4	46,2	52.767	28.918	63,9	49,6
Nhật Bản	26.623	2.047	-33,4	-46,3	292.806	26.894	14,1	12,2
Malaysia	13.557	4.760	2.111,6	2.579,6	60.079	21.401	118,1	93,3
Đài Loan	12.882	2.974	-5,2	-10,4	71.650	16.672	10,0	37,1
Đức	2.548	1.282	-35,6	-33,0	17.241	11.005	113,2	83,0
Hoa Kỳ	675	1.140	-27,6	21,5	7.051	8.373	33,4	-1,7
Philippines	100	74	-56,0	-54,3	13.953	6.584	-24,8	-34,4
Thái Lan	6.887	1.339	2.052,2	402,4	9.457	3.789	-23,0	-7,5
Ấn Độ	223	194	2,8	-2,7	2.223	2.502	110,3	75,7

Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

## II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ

### 1. Tiêu thụ trong nước

Nguồn cung từ sản xuất và nhập khẩu luôn đáp ứng đủ tiêu thụ trong nước, giá phân bón 9 tháng năm 2024 tăng giảm đan xen theo mùa vụ và ảnh hưởng của giá thế giới. Giá tăng trong giai đoạn tháng 2, giảm từ tháng 3- tháng 5, từ cuối tháng 5 có xu hướng tăng giữa tháng 7 sau đó giảm.

Triển vọng tích cực từ ngành nông nghiệp là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng tiêu thụ phân bón Việt Nam. Với thời tiết thuận lợi và giá các loại nông sản ở mức cao sẽ là điều kiện tốt để người nông dân tăng cường chăm bón cho cây trồng, nâng cao năng suất, từ đó gia tăng nhu cầu sử dụng phân bón.

Trong đó, xu hướng sử dụng hóa học và phân bón hữu cơ dự kiến sẽ đạt tốc độ tăng trưởng kép hàng năm là 6,5% - 6,7% trong giai đoạn dự báo (2022-2027).

Việt Nam là một nước nhiệt đới có sự phát triển cũng như tăng trưởng vượt bậc về nông nghiệp. Đặc biệt, Chính phủ Việt Nam khuyến khích sản xuất và ứng dụng phân bón hữu cơ và có các chính sách phát triển phân bón hữu cơ. Hơn nữa nước ta có điều kiện thuận lợi cho sản xuất và ứng dụng phân bón hữu cơ.

Được biết, trong 3 năm qua, số lượng sử dụng phân bón hữu cơ đăng ký tăng rất mạnh ở mức 500% trong khi việc sử dụng phân bón tổng hợp đang có xu hướng giảm.

Khi nhu cầu về thực phẩm hữu cơ ngày càng tăng cùng với nhận thức ngày càng tăng về an toàn môi trường khi sử dụng phân bón hữu cơ. Hơn nữa, sự sẵn có rất lớn của chất thải hữu cơ và những tiến bộ trong quy trình sản xuất phân bón hữu cơ đang tạo cơ hội cho sự phát triển của thị trường này.

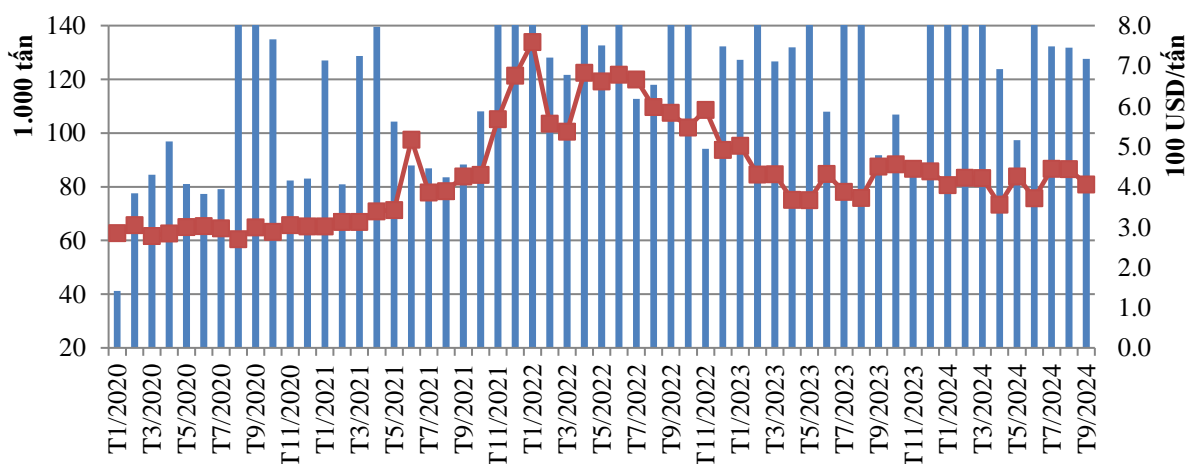
## 2. Tình hình xuất khẩu

Nửa đầu tháng 10/2024, lượng phân bón xuất khẩu đạt 74 nghìn tấn, kim ngạch đạt 29,7 triệu USD; Lũy kế từ đầu năm đến 15/10/2024 xuất khẩu phân bón đạt 1.367,4 nghìn tấn, kim ngạch đạt 560,4 triệu USD.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu phân bón trong tháng 9/2024 đạt 127,6 nghìn tấn, kim ngạch đạt 51,8 triệu USD, giảm 3,1% về khối lượng, giảm 11,4% về kim ngạch so với tháng trước; so với tháng 9/2023 tăng 39% về lượng, tăng 25,4% kim ngạch. Tính chung 9 tháng năm 2024 xuất khẩu phân bón đạt 1.293,2 nghìn tấn, kim ngạch đạt 530,6 triệu USD, tăng 8,5% về khối lượng và tăng 8% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

Giá phân bón xuất khẩu trong tháng 9/2024 ở mức 406 USD/tấn, giảm 8,6% so với tháng 8/2024 và giảm 9,8% so với cùng kỳ năm 2023.

**Biểu đồ 6: Lượng và giá phân bón xuất khẩu trung bình trong năm 2019-T9/2024**



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

### - Thị trường xuất khẩu

Trong 9 tháng năm 2024, lượng phân bón xuất khẩu sang thị trường Campuchia, chiếm 32,4% trong tổng khối lượng và chiếm 32,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu phân bón của cả nước, đạt 418,9 nghìn tấn, kim ngạch đạt 174,2 triệu USD, giảm 4,5% về lượng và giảm 5,8% kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

Tiếp đến là xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc chiếm trên 11% trong tổng khối lượng và tổng kim ngạch xuất khẩu phân bón của cả nước, đạt 146,1 nghìn tấn, kim ngạch đạt gần 60 triệu USD, tăng 24,2% về khối lượng, tăng 41,9% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái.

Thứ ba là xuất khẩu sang thị trường Malaysia chiếm 7,1% trong tổng khối lượng và chiếm 6,6% trong tổng kim ngạch xuất khẩu phân bón của cả nước, đạt 92,1 nghìn tấn, kim ngạch đạt 35,1 triệu USD, tăng 24,2% về khối lượng, tăng 41,9% so với cùng kỳ năm 2023.

Ngoài ra, xuất khẩu phân bón sang một số thị trường có mức tăng mạnh như Philippines, Lào, Myanmar, Đài Loan, Nhật Bản, Mozambique với mức tăng lần lượt là 21,6%, 29,7%, 16,3%, 597,3%, 305,1%, 114,2%.

Nhìn chung, trong 9 tháng năm 2024 xuất khẩu phân bón sang đa số các thị trường đều tăng mạnh cả về lượng và kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

**Bảng 2: Thị trường xuất khẩu phân bón tháng 9 và 9 tháng năm 2024**

Thị trường	T9/2024		So với T8/2024		9T/2024		So với 9T/2023 (%)	
	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)
<b>Tổng</b>	<b>127.651</b>	<b>51.844</b>	<b>-3,1</b>	<b>-11,4</b>	<b>1.293.209</b>	<b>530.656</b>	<b>8,5</b>	<b>8,0</b>
Campuchia	50.500	21.074	0,9	1,4	418.893	174.199	-4,5	-5,8
Hàn Quốc	23.034	8.898	176,5	163,1	146.063	59.963	189,1	218,3
Malaysia	7.144	2.450	-36,0	-54,2	92.055	35.064	24,2	41,9
Philippines	1.312	655	-89,4	-86,0	57.167	26.435	18,6	21,6
Lào	3.471	1.518	-38,8	-45,7	49.163	20.100	26,4	29,7
Myanmar	105	33	-96,9	-98,0	40.149	19.721	23,2	16,3
Đài Loan	7.809	2.927	-0,4	-1,7	35.393	14.450	601,6	597,3
Nhật Bản	2.974	1.227	88,8	99,2	23.444	10.091	296,8	305,1
Thái Lan	1.889	925	-4,7	10,1	15.326	7.335	-5,1	-0,4
Mozambique	0	0	0	0	9.877	6.040	167,1	114,2

Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

### III. DIỄN BIẾN GIÁ

Giá phân bón thế giới tháng 10/2024 tăng do nhu cầu tăng, cộng với sự hỗ trợ bởi Ấn Độ dự kiến sẽ tiếp tục mở thầu nhập khẩu Urea khiến giá tăng nhẹ. Cùng xu hướng chung với thế giới, giá Urea trong nước tăng do nhu cầu tiêu thụ nội địa cải thiện. Cụ thể, giá một số chủng loại phân bón như sau:

Tại các tỉnh phía Bắc, giá Urea Phú Mỹ tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2023, lên mức 12.100 đ/kg; Giá Urea Trung Quốc tăng 1,9% so với tháng trước, lên mức 11.200 đ/kg; Giá Lân Lào Cai là 4.100 đ/kg.

Tương tự, tại Đà Nẵng giá Urea Phú Mỹ tăng 2,6% so với tháng trước lên mức 11.900 đ/kg, nhưng ổn định so với cùng kỳ năm 2023; Giá Urea Trung Quốc tăng 1,9% so với tháng trước lên mức 11.200 đ/kg, nhưng giảm 1,8% so với cùng kỳ năm 2023; Giá Lân Lào Cai là 4.100 đ/kg.

Tại Qui Nhon, giá Urea Phú Mỹ giá Urea Phú Mỹ tăng 2,6% so với tháng trước lên mức 11.900 đ/kg, nhưng ổn định so với cùng kỳ năm ngoái; Giá Urea Trung Quốc tăng 1,9% so với tháng trước lên mức 11.200 đ/kg, nhưng giảm 1,8% so với cùng kỳ năm 2023; Giá Lân Lào Cai là 4.100 đ/kg.

Tại TP. Hồ Chí Minh, giá Urea Phú Mỹ tăng 1,8% so với tháng trước, lên mức 11.500 đ/kg nhưng giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2023; Giá Urea Trung Quốc tăng 1,9% so với tháng trước lên mức 10.700 đ/kg, nhưng giảm 1,8% so với cùng kỳ năm ngoái; Giá Lân Lào Cai là 4.100 đ/kg.

Tại Tiền Giang, giá Urea Phú Mỹ tăng 2,6% so với tháng trước lên mức 11.700 đ/kg nhưng so với cùng kỳ nhưng giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2023; Giá Urea Trung Quốc tăng 1,9% so với tháng trước lên mức 11.200 đ/kg nhưng giảm 1,8% so với cùng kỳ năm ngoái; Giá Lân Lào Cai là 4.100 đ/kg.

**Bảng 3: Giá bán lẻ trung bình một số chủng loại phân bón tại các địa phương phương trong tháng 10/2024**

ĐVT: đ/kg

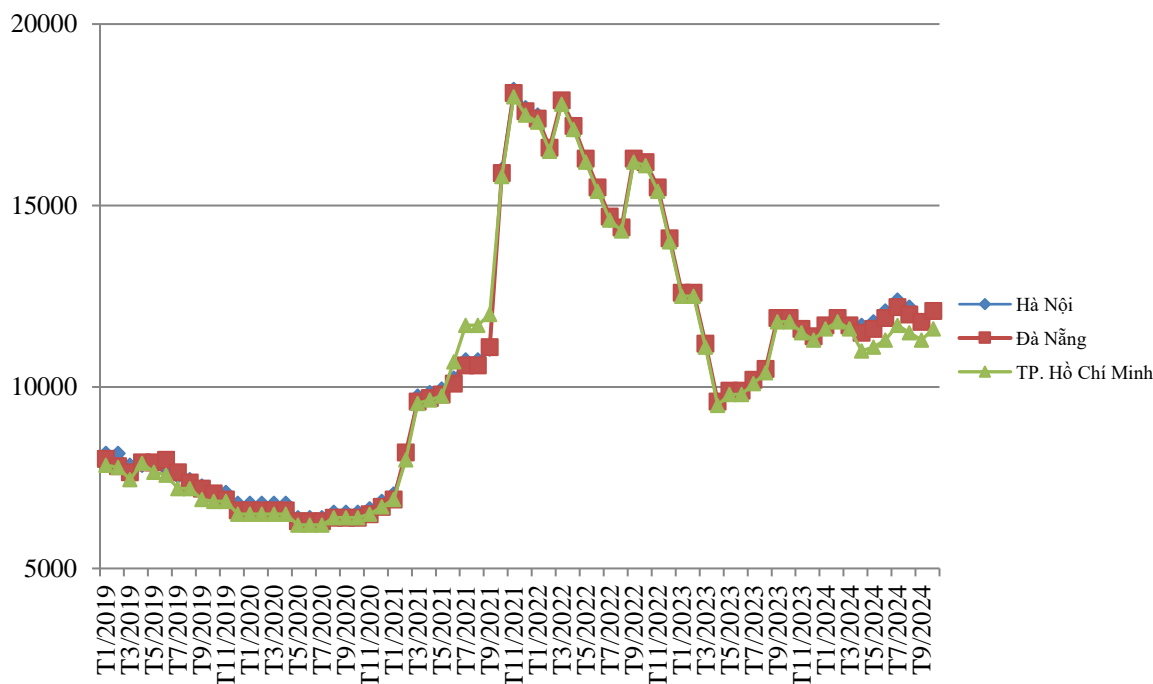
Thị trường	Chủng loại	Tháng 10/2024	So với tháng 9/2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Hà Nội	Urea Trung Quốc	11.000	1,9	0
	Urea Phú Mỹ	12.100	2,5	1,7
	Lân Lào Cai	4.100	0	0
Đà Nẵng	Urea Trung Quốc	10.800	1,9	-1,8
	Urea Phú Mỹ	11.900	2,6	0
	Lân Lào Cai	4.100	0	0
Qui Nhon	Urea Trung Quốc	10.800	1,9	-1,8
	Urea Phú Mỹ	11.900	2,6	0
	Lân Lào Cai	4.100	0	0
TP. Hồ Chí Minh	Urea Trung Quốc	10.700	1,9	-1,8
	Urea Phú Mỹ	11.500	1,8	-2,5
	Lân Lào Cai	4.200	0	0
Tiền Giang	Urea Trung Quốc	10.800	1,9	-1,8
	Urea Phú Mỹ	11.700	2,6	-1,7
	Lân Lào Cai	4.200	0	0

Nguồn: VITIC tổng hợp



**Biểu đồ 7: Giá Urea Phú Mỹ tại một số địa phương từ đầu năm 2019 đến nay**

ĐVT: đ/kg



Nguồn: VITIC tổng hợp

#### IV. DỰ BÁO, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nhu cầu phân bón Urea dự kiến sẽ tăng từ các thị trường châu Âu và Hoa Kỳ và một số thị trường châu Á khi đấu thầu đã diễn ra tại Sri Lanka, Pakistan và đấu thầu nhập khẩu Urea của Ấn Độ diễn ra vào tháng 12. Cùng với đó, Trung Quốc và Nga kéo dài thời gian hạn chế xuất khẩu phân bón. Dự báo giá phân bón thế giới có thể sẽ tiếp tục tăng nhẹ.

Nhu cầu tiêu thụ phân bón trong nước sẽ tăng vào giai đoạn cao điểm vụ Đông Xuân, cộng với việc hỗ trợ bởi giá Urea thế giới tăng nên giá phân bón trong nước có thể tiếp tục tăng. Tuy nhiên giá sẽ không tăng mạnh bởi nguồn cung dồi dào do tồn kho ở mức cao và sản xuất tiếp tục tăng nhẹ.

## MỤC LỤC

<b>I. NGUỒN CUNG.....</b>	<b>2</b>
<b>1. Tình hình sản xuất .....</b>	<b>2</b>
<b>2. Tình hình nhập khẩu .....</b>	<b>3</b>
<b>II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ .....</b>	<b>5</b>
<b>1. Tiêu thụ trong nước.....</b>	<b>5</b>
<b>2. Tình hình xuất khẩu .....</b>	<b>6</b>
<b>III. DIỄN BIẾN GIÁ.....</b>	<b>7</b>
<b>IV. DỰ BÁO, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.....</b>	<b>9</b>
<b>DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....</b>	<b>10</b>
<b>DANH MỤC BẢNG.....</b>	<b>10</b>

### DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Sản lượng phân Urea sản xuất từ năm 2020 đến tháng 9/2024 .....	2
Biểu đồ 2: Sản lượng phân Urea sản xuất qua các năm từ 2014 đến 2024 .....	2
Biểu đồ 3: Sản lượng phân NPK sản xuất từ năm 2020 đến tháng 9/2024 .....	3
Biểu đồ 4: Sản lượng phân NPK sản xuất qua các năm từ 2014 đến 2024.....	3
Biểu đồ 5: Lượng và giá phân bón nhập khẩu trung bình trong năm 2019-T9/2024.....	4
Biểu đồ 6: Lượng và giá phân bón xuất khẩu trung bình trong năm 2019-T9/2024.....	6
Biểu đồ 7: Giá Urea Phú Mỹ tại một số địa phương từ đầu năm 2019 đến nay.....	9

### DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Thị trường nhập khẩu phân bón tháng 9 và 9 tháng năm 2024.....	5
Bảng 2: Thị trường xuất khẩu phân bón tháng 9 và 9 tháng năm 2024.....	7
Bảng 3: Giá bán lẻ trung bình một số chủng loại phân bón tại các địa phương trong tháng 10/2024 .....	8